

**BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ 2 - LẦN CUỐI (2011 - 2012)**

(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

**Lớp học:** Quản trị kinh doanh 4 - K12

**Ngành:** Quản trị kinh doanh

**Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

| STT | MÃ SỐ      | HỌ VÀ TÊN              | Đường lối cách mạng<br>đảng cộng sản VN | Quản trị chiến lược | Quản trị sản xuất | Quản lý chất lượng | Quản trị nhân sự | Đàm phán và giao tiếp<br>trong kinh doanh | Quản trị dự án | Thị trường chứng<br>khoản |  |  |  |  |  |  | ĐIỂM TBC | ĐIỂM RÈN LUYỆN | SỐ MÔN <5 | SỐ ĐVHT KB | XL<br>TBCHT |
|-----|------------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------|----------------|---------------------------|--|--|--|--|--|--|----------|----------------|-----------|------------|-------------|
|     |            |                        | 4                                       | 4                   | 3                 | 3                  | 4                | 3                                         | 3              | 2                         |  |  |  |  |  |  | 26       |                |           |            |             |
| 1   | 08109A0156 | Lê Anh Khôi            | 7                                       | 7                   | 9                 | 5                  | 8                | 5                                         | 2              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 5.94     |                | 2         | 5          | TB          |
| 2   | 0910090013 | Nguyễn Văn Cương       | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 3   | 0910090165 | Nguyễn Duy Thanh       | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 4   | 0910090166 | Huỳnh Tiến Thành       | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 5   | 1010090184 | Phạm Xuân Thủy Tiên    | 6                                       | 5                   | 5                 | 5                  | 8                | 5                                         | 7              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 5.81     |                |           |            | TB          |
| 6   | 1010090185 | Ngô Thị Trúc Tiên      | 8                                       | 7                   | 5                 | 8                  | 8                | 6                                         | 6              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 6.79     |                |           |            | TB Khá      |
| 7   | 1010090187 | Trương Thị Ngọc Tím    | 8                                       | 8                   | 7                 | 8                  | 7                | 6                                         | 9              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 7.42     |                |           |            | Khá         |
| 8   | 1010090188 | Đinh Huy Tín           | 6                                       | 6                   | 5                 | 6                  | 10               | 5                                         | 8              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 6.40     |                |           |            | TB Khá      |
| 9   | 1010090189 | Đinh Hữu Phương Toàn   | 8                                       | 7                   | 5                 | 8                  | 7                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.63     |                |           |            | TB Khá      |
| 10  | 1010090190 | Nguyễn Thị Quỳnh Trâm  | 0                                       | 2                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.31     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 11  | 1010090191 | Hồ Thị Trâm            | 8                                       | 7                   | 7                 | 5                  | 6                | 6                                         | 5              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.19     |                |           |            | TB Khá      |
| 12  | 1010090192 | Trần Thị Thùy Trâm     | 8                                       | 6                   | 7                 | 7                  | 7                | 5                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.33     |                |           |            | TB Khá      |
| 13  | 1010090193 | Đinh Thị huyền Trân    | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 14  | 1010090195 | Lê Hồng Bảo Trân       | 7                                       | 6                   | 5                 | 6                  | 7                | 6                                         | 6              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.12     |                |           |            | TB Khá      |
| 15  | 1010090196 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 6                                       | 6                   | 8                 | 6                  | 9                | 6                                         | 8              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.88     |                |           |            | TB Khá      |
| 16  | 1010090197 | Nguyễn Ngọc Trang      | 8                                       | 7                   | 7                 | 5                  | 8                | 6                                         | 7              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.73     |                |           |            | TB Khá      |
| 17  | 1010090198 | Lê Thị Ngọc Trang      | 4                                       | 3                   | 0                 | 0                  | 0                | 3                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 1.35     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 18  | 1010090199 | Trần Thị Thuỳ Trang    | 6                                       | 7                   | 7                 | 8                  | 5                | 6                                         | 5              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 6.31     |                |           |            | TB Khá      |

| STT | MÃ SỐ      | HỌ VÀ TÊN        |        | Đường lối cách mạng<br>đảng cộng sản VN | Quản trị chiến lược | Quản trị sản xuất | Quản lý chất lượng | Quản trị nhân sự | Đàm phán và giao tiếp<br>trong kinh doanh | Quản trị dự án | Thị trường chứng<br>khoán |  |  |  |  |  |  | ĐIỂM TBC | ĐIỂM RÈN LUYỆN | SỐ MÔN <5 | SỐ ĐVHT KĐ | XL<br>TBCHT |
|-----|------------|------------------|--------|-----------------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------|----------------|---------------------------|--|--|--|--|--|--|----------|----------------|-----------|------------|-------------|
|     |            |                  |        | 4                                       | 4                   | 3                 | 3                  | 4                | 3                                         | 3              | 2                         |  |  |  |  |  |  | 26       |                |           |            |             |
| 19  | 1010090200 | Trần Thị Thùy    | Trang  | 7                                       | 8                   | 9                 | 7                  | 10               | 5                                         | 9              | 9                         |  |  |  |  |  |  | 7.75     |                |           |            | Khá         |
| 20  | 1010090201 | Bùi Thị Cẩm      | Trang  | 8                                       | 7                   | 7                 | 7                  | 10               | 6                                         | 8              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 7.23     |                |           |            | Khá         |
| 21  | 1010090202 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | 7                                       | 6                   | 9                 | 7                  | 9                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.77     |                |           |            | TB Khá      |
| 22  | 1010090203 | Nguyễn Minh      | Trí    | 7                                       | 5                   | 8                 | 6                  | 7                | 5                                         | 5              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 5.94     |                |           |            | TB          |
| 23  | 1010090205 | Lê Thị Tuyết     | Trinh  | 6                                       | 8                   | 7                 | 7                  | 7                | 5                                         | 9              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.87     |                |           |            | TB Khá      |
| 24  | 1010090206 | Giả Thị Mai      | Trinh  | 6                                       | 7                   | 6                 | 7                  | 6                | 7                                         | 8              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 6.58     |                |           |            | TB Khá      |
| 25  | 1010090207 | Phan Thị         | Trọn   | 9                                       | 8                   | 9                 | 9                  | 10               | 7                                         | 9              | 9                         |  |  |  |  |  |  | 8.62     |                |           |            | Giỏi        |
| 26  | 1010090208 | Phạm Thị Thanh   | Trúc   | 7                                       | 6                   | 6                 | 5                  | 7                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.08     |                |           |            | TB Khá      |
| 27  | 1010090209 | Lưu Tử           | Trung  | 7                                       | 6                   | 7                 | 7                  | 5                | 6                                         | 5              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 5.94     |                |           |            | TB          |
| 28  | 1010090210 | Lý Nguyễn Kiên   | Trung  | 7                                       | 6                   | 7                 | 6                  | 6                | 6                                         | 9              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 6.35     |                |           |            | TB Khá      |
| 29  | 1010090211 | Nguyễn Văn       | Trường | 6                                       | 6                   | 6                 | 5                  | 7                | 4                                         | 8              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 5.92     |                | 1         | 3          | TB          |
| 30  | 1010090212 | Hồ Thị           | Tú     | 7                                       | 6                   | 6                 | 6                  | 6                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.08     |                |           |            | TB Khá      |
| 31  | 1010090213 | Đỗ Thị Ngọc      | Tú     | 8                                       | 6                   | 7                 | 6                  | 9                | 5                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.60     |                |           |            | TB Khá      |
| 32  | 1010090214 | Huỳnh Thanh      | Tú     | 8                                       | 7                   | 7                 | 7                  | 8                | 5                                         | 7              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.81     |                |           |            | TB Khá      |
| 33  | 1010090215 | Bùi Minh         | Tuấn   | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 34  | 1010090216 | Nguyễn Tấn       | Tuấn   | 6                                       | 6                   | 7                 | 6                  | 7                | 6                                         | 7              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.35     |                |           |            | TB Khá      |
| 35  | 1010090217 | Nguyễn Ngọc Duy  | Tuấn   | 8                                       | 5                   | 9                 | 5                  | 8                | 6                                         | 7              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 6.46     |                |           |            | TB Khá      |
| 36  | 1010090218 | Nguyễn Thanh     | Tùng   | 7                                       | 6                   | 7                 | 7                  | 7                | 6                                         | 5              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.25     |                |           |            | TB Khá      |
| 37  | 1010090220 | Lê Hồng          | Tươi   | 7                                       | 6                   | 8                 | 5                  | 7                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.42     |                |           |            | TB Khá      |
| 38  | 1010090221 | Phan Thị Thanh   | Tuyền  | 8                                       | 9                   | 9                 | 8                  | 10               | 6                                         | 9              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 8.12     |                |           |            | Giỏi        |
| 39  | 1010090223 | Châu Thị Cẩm     | Tuyết  | 9                                       | 8                   | 8                 | 8                  | 9                | 5                                         | 10             | 6                         |  |  |  |  |  |  | 7.81     |                |           |            | Khá         |
| 40  | 1010090224 | Nguyễn Thị Ngọc  | Tuyết  | 6                                       | 7                   | 7                 | 5                  | 10               | 5                                         | 5              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 6.46     |                |           |            | TB Khá      |
| 41  | 1010090225 | Vũ Thị Thu       | Vân    | 7                                       | 6                   | 7                 | 7                  | 10               | 6                                         | 7              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.94     |                |           |            | TB Khá      |
| 42  | 1010090226 | Ngô Bảo          | Vân    | 8                                       | 6                   | 6                 | 7                  | 8                | 5                                         | 7              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.63     |                |           |            | TB Khá      |

| STT | MÃ SỐ      | HỌ VÀ TÊN              | Đường lối cách mạng<br>đảng cộng sản VN | Quản trị chiến lược | Quản trị sản xuất | Quản lý chất lượng | Quản trị nhân sự | Đàm phán và giao tiếp<br>trong kinh doanh | Quản trị dự án | Thị trường chứng<br>khoán |  |  |  |  |  |  | ĐIỂM TBC | ĐIỂM RÈN LUYỆN | SỐ MÔN <5 | SỐ ĐVHT KĐ | XL<br>TBCHT |
|-----|------------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------|----------------|---------------------------|--|--|--|--|--|--|----------|----------------|-----------|------------|-------------|
|     |            |                        | 4                                       | 4                   | 3                 | 3                  | 4                | 3                                         | 3              | 2                         |  |  |  |  |  |  | 26       |                |           |            |             |
| 43  | 1010090227 | Hồ Diễm Bích Vân       | 8                                       | 7                   | 7                 | 7                  | 10               | 5                                         | 8              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 7.29     |                |           |            | Khá         |
| 44  | 1010090228 | Võ Toàn Văn            | 7                                       | 7                   | 7                 | 6                  | 10               | 6                                         | 5              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.81     |                |           |            | TB Khá      |
| 45  | 1010090229 | Nguyễn Thị Hà Vi       | 7                                       | 5                   | 10                | 7                  | 9                | 5                                         | 5              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.65     |                |           |            | TB Khá      |
| 46  | 1010090231 | Nguyễn Quang Vinh      | 7                                       | 7                   | 6                 | 8                  | 9                | 6                                         | 9              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 7.29     |                |           |            | Khá         |
| 47  | 1010090232 | Nguyễn Phạm Hoàng Vinh | 8                                       | 7                   | 6                 | 6                  | 9                | 6                                         | 6              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 6.81     |                |           |            | TB Khá      |
| 48  | 1010090234 | Nguyễn Tuấn Vũ         | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |
| 49  | 1010090235 | Trịnh Công Vũ          | 7                                       | 7                   | 6                 | 8                  | 6                | 5                                         | 6              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.21     |                |           |            | TB Khá      |
| 50  | 1010090236 | Nguyễn Ngọc Anh Vũ     | 7                                       | 6                   | 4                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 2.38     |                | 6         | 18         | Kém         |
| 51  | 1010090237 | Nguyễn Hoàng Vương     | 8                                       | 8                   | 7                 | 6                  | 9                | 6                                         | 8              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 7.31     |                |           |            | Khá         |
| 52  | 1010090238 | Lưu Thị Hoàng Vy       | 8                                       | 8                   | 7                 | 7                  | 9                | 6                                         | 6              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 7.27     |                |           |            | Khá         |
| 53  | 1010090239 | Nguyễn Thanh Vy        | 10                                      | 6                   | 8                 | 8                  | 9                | 6                                         | 7              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 7.35     |                |           |            | Khá         |
| 54  | 1010090240 | Nguyễn Hữu Xuân        | 8                                       | 7                   | 5                 | 7                  | 7                | 7                                         | 6              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 6.58     |                |           |            | TB Khá      |
| 55  | 1010090241 | Trần Thị Thanh Xuân    | 9                                       | 7                   | 7                 | 6                  | 9                | 6                                         | 6              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 7.04     |                |           |            | Khá         |
| 56  | 1010090242 | Nguyễn Thị Ngọc Xuyến  | 7                                       | 9                   | 8                 | 9                  | 10               | 6                                         | 9              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 8.00     |                |           |            | Giỏi        |
| 57  | 1010090243 | Ngô Thị Kim Ý          | 8                                       | 6                   | 6                 | 6                  | 9                | 6                                         | 5              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.62     |                |           |            | TB Khá      |
| 58  | 1010090244 | Nguyễn Văn Yên         | 7                                       | 7                   | 7                 | 8                  | 6                | 6                                         | 5              | 7                         |  |  |  |  |  |  | 6.37     |                |           |            | TB Khá      |
| 59  | 1010090245 | Trần Thị Yến           | 7                                       | 6                   | 6                 | 6                  | 6                | 5                                         | 5              | 6                         |  |  |  |  |  |  | 5.81     |                |           |            | TB          |
| 60  | 1010090246 | Nguyễn Thị Cẩm Yến     | 6                                       | 5                   | 5                 | 8                  | 6                | 5                                         | 7              | 5                         |  |  |  |  |  |  | 5.83     |                |           |            | TB          |
| 61  | 1010090247 | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 8                                       | 9                   | 7                 | 9                  | 8                | 6                                         | 5              | 8                         |  |  |  |  |  |  | 7.40     |                |           |            | Khá         |
| 62  | 1010090248 | Lê Trần Phương Trang   | 0                                       | 0                   | 0                 | 0                  | 0                | 0                                         | 0              | 0                         |  |  |  |  |  |  | 0.00     |                | 8         | 26         | Kém         |

Tổng danh sách này có:62 sinh viên

| Xếp loại | SL | Tỷ lệ | Xếp loại   | SL | Tỷ lệ |
|----------|----|-------|------------|----|-------|
| Xuất sắc | 0  | 0.00  | TB Khá     | 31 | 50    |
| Giỏi     | 3  | 4.84  | Trung bình | 7  | 11    |
| Khá      | 11 | 17.74 | Yếu kém    | 10 | 16    |

Phòng Đào Tạo

Trưởng Khoa Kinh-Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày ....../....../.....

Giáo Vụ Khoa Kinh-Thương